

Bản án số: 03/2020/DS-ST

Ngày: 25/02/2020

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Dương Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Lê Minh Trí

+ Ông Bùi Anh Đức

- Thư ký phiên tòa: Ông Tô Văn Đăng – Thư ký Tòa án.

Ngày 25 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 144/2019/TLST-DS, ngày 04 tháng 12 năm 2019 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2020/QĐXXST-DS, ngày 04/02/2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị T1, sinh năm 1965.(có mặt)

Địa chỉ: Ấp Tân H, xã Lộc P, huyện Lộc N, tỉnh Bình P.

- *Bị đơn:* Ông Trần Văn T2, sinh năm 1956 và bà Lê Thị D, sinh năm 1957.(
Ông Tuôi có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp An H, xã Gia H 2, huyện Mỹ X, tỉnh Sóc T.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị D là ông Trần Văn T (Theo văn bản ủy quyền ngày 31/12/2019).

NỘI DUNG VỤ ÁN

- *Tại đơn khởi kiện đề ngày 13/11/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Phạm Thị T1 trình bày:*

Vào ngày 18/11/2017 bà có cho ông Trần Văn T2 vay số tiền 40.000.000đ lãi suất 5%/tháng để trị bệnh và làm vốn mua bán, khi vay ông T2 có hứa tháng 2/2018 sẽ trả và ông T2 có làm biên nhận tay cho bà T1, ông T2 có đóng lãi cho bà T1 được 10.500.000đ, số còn lại ông T2 không thanh toán và kéo dài cho đến nay chưa hoàn trả cho bà T1 số tiền vốn nào.

Nay bà T1 yêu cầu ông T2 và bà D phải có trách nhiệm hoàn trả cho bà T1 số tiền 40.000.000đ không yêu cầu tính lãi.

- Tại biên bản hòa giải ngày 30/12/2019 cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn ông Trần Văn T2 trình bày:

Ông T2 thừa nhận vào ngày 18/11/2017 vợ chồng ông có vay của bà T1 tiền vốn là 40.000.000đ, lãi suất 5%/tháng, sau khi vay ông T2 có đóng lãi cho bà T1 được 10.500.000đ số còn lại chưa thanh toán. Nay bà T1 yêu cầu vợ chồng ông hoàn trả số tiền vốn là 40.000.000đ ông cũng thống nhất trả nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên xin trả dần mỗi tháng là 1.000.000đ cho đến khi dứt nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]- **Xét yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu các bị đơn phải có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ là 40.000.000đ, Hội đồng xét xử xét thấy:**

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và bị đơn đã thống nhất với nhau về số tiền còn nợ là 40.000.000đ, căn cứ Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử công nhận đây là sự thật.

[3] Tại phiên tòa hôm nay ông T2 cũng thừa nhận còn nợ bà T1 số tiền là 40.000.000đ và ông T2 cũng đồng ý hoàn trả cho bà T1 số tiền 40.000.000đ nhưng hiện nay hoàn cảnh gia đình không có khả năng trả một lần nên ông T2 xin trả dần mỗi tháng là 1.000.000đ cho đến khi dứt nợ.

[4] Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn hoàn trả số nợ là 40.000.000đ và có cung cấp cho Tòa án chứng cứ là tờ biên nhận lập viết tay của bị đơn, nội dung biên nhận ghi ông T2 có nhận số tiền 40.000.000đ, ông T2 cũng thừa nhận có vay của bà T1 40.000.000đ nhưng xin trả dần mỗi tháng là 1.000.000đ cho đến khi dứt nợ. Việc bị đơn không thực hiện việc thanh toán nợ cho nguyên đơn theo hợp đồng mà các bên đã ký kết làm ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn, do đó việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn hoàn trả số tiền 40.000.000đ là có căn cứ để chấp nhận. Đối với phần lãi mà nguyên đơn đã nhận là 10.500.000đ của bị đơn, HĐXX xét thấy mức lãi suất mà hai bên thỏa thuận là cao hơn mức lãi mà pháp luật quy định. Tuy nhiên nếu tính từ ngày vay là ngày 18/11/2017 cho đến ngày xét xử sơ thẩm thì số tiền lãi mà bị đơn đã đóng cho nguyên đơn thấp hơn số tiền lãi tính theo mức lãi suất quy định, do đó không cần thiết phải tính lại số tiền lãi mà bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn. Vì vậy cần xử buộc bị đơn ông T2 và bà D phải có trách nhiệm hoàn trả cho bà T1 số tiền vốn là 40.000.000đ là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

Về án phí: Căn cứ khoản 2, khoản 4, Điều 27 Pháp lệnh về án phí, lệ phí tòa án thì ông T2 và bà D phải chịu án phí theo quy định. Tuy nhiên theo quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 48 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 thì ông T2 và bà D là người cao tuổi, ông T2 có đơn xin miễn án phí, do

đó các đương sự này thuộc trường hợp được miễn tiền án phí, không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39 khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280, của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- Điều 463, Điều 465, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1/. Xử buộc bị đơn ông Trần Văn T2 và bà Lê Thị D phải có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho nguyên đơn bà Phạm Thị T1 số tiền còn nợ là 40.000.000đ (*Bốn mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015

2/ Án phí dân sự sơ thẩm:

- Nguyên đơn bà Phạm Thị T1 không phải chịu án phí và được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.000.000đ (*Một triệu đồng*) theo biên lai thu số 0000055, ngày 3/12/2019 của Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn ông Trần Văn T2 và bà Lê Thị D được miễn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Mỹ Xuyên;
- Chi cục THADS huyện MX;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa**

Mai Thị Dương Hải

